

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC  
\*\*\*\*\*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 58/MHC  
V/v: "BCTC Quý 2 năm 2017  
- Hợp nhất"

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**  
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần MHC

Mã chứng khoán: MHC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 10, Tòa nhà VINATEA, Số 92, đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 043.5770810

Fax: 043.5770814

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Lan Anh

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Vinatea, 92 Võ Thị Sáu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04 35770810

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính quý 2 năm 2017 - Hợp nhất và Công văn giải trình.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/07/2017 tại đường dẫn [www.marinahanoi.com](http://www.marinahanoi.com).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính quý 2 năm 2017 – Hợp nhất
- Công văn 56/MHC

**Người đại diện theo pháp luật/  
Người được ủy quyền công bố thông tin**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN**  
*Nguyễn Thị Lan Anh*

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC



MHC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**QUÝ 2-2017**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2017*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017 (HỢP NHẤT)**

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỶ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>575,629,853,439</b>	<b>442,304,176,937</b>
<b>I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>110</b>		<b>11,718,711,807</b>	<b>11,499,679,326</b>
1. Tiền	111		8,568,321,385	3,882,457,991
2. Các khoản tương đương tiền	112		3,150,390,422	7,617,221,335
<b>II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN</b>	<b>120</b>		<b>538,304,101,105</b>	<b>402,434,599,488</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		565,084,075,104	434,770,535,927
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-27,527,748,721	-33,035,936,439
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		747,774,722	700,000,000
<b>III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN</b>	<b>130</b>		<b>20,988,951,142</b>	<b>22,780,039,398</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		14,290,915,369	13,117,769,382
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1,495,335,318	204,799,909
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		14,286,203,882	19,040,973,534
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-9,083,503,427	-9,583,503,427
<b>IV. HÀNG TỒN KHO</b>	<b>140</b>		<b>0</b>	<b>275,000</b>
1. Hàng tồn kho	141		0	275,000
<b>V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>150</b>		<b>4,618,089,385</b>	<b>5,589,583,725</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		523,535,401	280,701,545
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,673,583,257	1,591,362,829
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2,420,970,727	3,717,519,351
4. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>49,474,624,108</b>	<b>72,792,251,722</b>
<b>I. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN</b>	<b>210</b>		<b>10,002,500,000</b>	<b>10,002,500,000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		10,002,500,000	10,002,500,000
<b>II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	<b>220</b>		<b>5,302,564,905</b>	<b>5,601,667,922</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		5,302,564,905	4,855,174,122
- Nguyên giá	222		19,346,336,162	18,481,869,253
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-14,043,771,257	-13,626,695,131
2. Tài sản cố định vô hình	227		0	746,493,800
- Nguyên giá	228		0	746,493,800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
<b>III. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ</b>	<b>230</b>		<b>28,094,582,121</b>	<b>28,868,941,263</b>
- Nguyên giá	231		38,530,325,770	38,530,325,770
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-10,435,743,649	-9,661,384,507
<b>IV. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN</b>	<b>240</b>		<b>1,790,221,090</b>	<b>0</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,790,221,090	0
<b>V. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN</b>	<b>250</b>		<b>4,284,755,992</b>	<b>28,319,142,537</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4,284,755,992	4,440,870,137
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	23,878,272,400
<b>VI. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC</b>	<b>260</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	0
2. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>625,104,477,547</b>	<b>515,096,428,659</b>



NGUỒN VON	MA SỐ	TRỢ GIẢP MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	4
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>133,001,110,065</b>	<b>30,237,771,981</b>
<b>I. NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>310</b>		<b>33,105,907,038</b>	<b>29,983,091,932</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		10,182,595,497	9,522,706,440
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		183,012,792	183,012,792
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		337,636,234	211,928,757
4. Phải trả người lao động	314		2,838,240,793	2,753,717,457
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3,246,029,912	2,662,299,369
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		240,492,768	10,909,089
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		2,511,805,084	2,410,458,622
8. Vay ngắn hạn	320		11,604,545,754	11,828,331,202
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,961,548,204	399,728,204
<b>II. NỢ DÀI HẠN</b>	<b>330</b>		<b>99,895,203,027</b>	<b>254,680,049</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		251,702,027	254,680,049
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		99,643,501,000	0
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>492,103,367,482</b>	<b>484,858,656,678</b>
<b>I. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>410</b>		<b>492,103,367,482</b>	<b>484,858,656,678</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		327,352,100,000	327,352,100,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>327,352,100,000</i>	<i>327,352,100,000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28,614,580,000	28,614,580,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	415		-1,200,000	-1,200,000
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		8,712,225,710	8,712,225,710
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		127,425,661,772	120,180,950,968
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>117,931,481,996</i>	<i>60,544,318,861</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>9,494,179,776</i>	<i>59,636,632,107</i>
<b>II. NGUỒN KINH PHÍ, QUỸ KHÁC</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>625,104,477,547</b>	<b>515,096,428,659</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Lan Hương

TRƯỞNG PHÒNG KT



Nguyễn Thị Lan Anh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Tuấn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Dạng đầy đủ)**  
**QUÝ II NĂM 2017 (HỢP NHẤT)**

*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>22,419,066,344</b>	<b>24,314,030,092</b>	<b>41,220,483,526</b>	<b>33,556,613,673</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03				0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV (10=01-03)	10		22,419,066,344	24,314,030,092	41,220,483,526	33,556,613,673
4. Giá vốn hàng bán	11		19,942,411,816	20,422,014,601	36,887,689,171	28,847,956,005
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b> (20=10-11)	<b>20</b>		<b>2,476,654,528</b>	<b>3,892,015,491</b>	<b>4,332,794,355</b>	<b>4,708,657,668</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		7,623,253,646	21,621,161,640	13,830,226,424	87,919,269,910
7. Chi phí tài chính	22		3,774,598,503	15,343,659,824	2,845,137,298	22,681,259,625
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		467,855,967	461,109,509	1,093,530,426	656,142,329
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-101,440,470	-245,981,234	-156,114,145	-503,400,121
9. Chi phí bán hàng	25		0	0	0	0
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2,277,484,939	2,296,228,652	3,916,681,192	4,207,594,240
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30= 20+ (21-22)-(24+25)}	<b>30</b>		<b>3,946,384,262</b>	<b>7,627,307,420</b>	<b>11,245,088,144</b>	<b>65,235,673,592</b>
12. Thu nhập khác	31		219,822,026	0	223,543,606	0
13. Chi phí khác	32		33,069,156	1,143,694	33,069,156	1,143,694
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		186,752,870	-1,143,694	190,474,450	-1,143,694
<b>15. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>4,133,137,132</b>	<b>7,626,163,726</b>	<b>11,435,562,594</b>	<b>65,234,529,898</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		637,112,593	1,674,801,347	1,941,382,818	18,756,628,653
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0			
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>3,496,024,539</b>	<b>5,951,362,379</b>	<b>9,494,179,776</b>	<b>46,477,901,245</b>
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		0	0		0
18.2. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		3,496,024,539	5,951,362,379	9,494,179,776	46,477,901,245
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>					

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2017  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**TRƯỞNG PHÒNG KT**





**Nguyễn Công Tuấn**

**Lê Thị Lan Hương**

**Nguyễn Thị Lan Anh**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**(Theo phương pháp gián tiếp)  
**QUÝ II NĂM 2017 (HỢP NHẤT)**

DIỄN GIẢI	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>11,435,562,594</b>	<b>65,234,529,898</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
-Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02		1,191,435,268	1,066,405,542
-Các khoản dự phòng	03		-6,008,187,718	13,362,758,085
-(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		22,778,611	86,681,863
-(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-12,629,089,297	-78,840,202,994
-Chi phí Lãi vay	06		1,093,530,426	656,142,329
<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>-4,893,970,116</b>	<b>1,566,314,723</b>
(Tăng) / giảm các khoản phải thu	09		10,677,841,015	1,867,979,287
(Tăng) / giảm hàng tồn kho	10		275,000	64,000
Tăng / (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		-246,753,621	596,965,050
(Tăng) / giảm chi phí trả trước	12		-242,833,856	-298,221,145
(Tăng) / giảm chứng khoán kinh doanh	13		0	0
Tiền lãi vay đã trả	14		-622,288,264	-656,142,329
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-64,080,108	-21,381,113,304
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		0	0
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-738,180,000	-6,300,000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3,870,010,050</b>	<b>-18,310,453,718</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-2,654,687,999	-100,575,008
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		840,250,909	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	-336,240,000,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	147,540,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-578,727,368,421	-242,402,111,000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		464,896,911,450	420,234,328,023
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12,217,704,051	10,074,530,154
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>-103,427,190,010</b>	<b>-893,827,831</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		0	13,490,390,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		211,610,667,511	48,552,734,949
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-111,834,452,959	-37,535,098,486

DIỄN GIẢI	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>99,776,214,552</i>	<i>24,508,026,463</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>	<i>50</i>		<i>219,034,592</i>	<i>5,303,744,914</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	<i>60</i>		<i>11,499,679,326</i>	<i>6,421,750,862</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-2,111	10,553
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</i>	<i>70</i>		<i>11,718,711,807</i>	<i>11,725,506,329</i>

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG KT

TỔNG GIÁM ĐỐC





Lê Thị Lan Hương

Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Công Tuấn

# CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 10, tòa nhà VINATEA, số 92, đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2017

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần MHC (Đổi tên từ Công ty Cổ phần Hàng Hải Hà Nội), tên viết tắt là MHC COMPANY (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 056428 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715) lần đầu ngày 19/11/1998, thay đổi lần thứ 25 ngày 25/05/2017.

Công ty Cổ phần MHC có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 327.352.100.000 đồng.

Từ ngày 21/03/2005, cổ phiếu của Công ty Cổ phần MHC được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là MHC.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Công Tuấn.

#### 1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Lai dắt tàu biển;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Đại lý hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị.

#### 1.3 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Công ty có các Công ty con như sau:

	Công ty	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu tại 30/06/2017 (%)	Trụ sở
1	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	15.000.000.000	100%	Tầng 6, Tòa nhà Hải An, đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, TP Hải Phòng.



2	Công ty TNHH Đầu tư Marina	120.000.000.000	100%	Tầng 10, tòa nhà Vinatea, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
---	----------------------------	-----------------	------	---

**1.4 CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ẢNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Công ty</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu (%)</b>	<b>Trụ sở</b>
1	Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam (*)	51,00 %	Tầng 15 tòa nhà IPC, 1489 Nguyễn Văn Linh, Tân Phong, Quận 7, TP Hồ Chí Minh.
2	Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	45,05%	Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park, Số 01, Đào Duy Anh, quận Đống Đa TP.Hà Nội.

(\*): Công ty sở hữu 51% vốn góp của Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam, tuy nhiên điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào “ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết “ thay vì hạch toán và theo dõi trên khoản “Đầu tư vào công ty con”.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và các Công ty con. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.2 KỶ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho quý 2 năm 2017.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

### 3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### 3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Phương tiện vận tải	05 - 10

### 3.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Các chi phí phát sinh sau khi bắt đầu sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào

hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao Bất động sản đầu tư tòa nhà cho thuê được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trên thời gian hữu dụng ước tính trong 25 năm.

### **3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được kế toán và phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán:

- Đối với các chứng khoán kinh doanh: Dự phòng được ghi nhận khi giá chứng khoán trên thị trường giảm thấp hơn giá trị ghi sổ của các chứng khoán;
- Đối với khoản đầu tư dài hạn khác: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

### **3.9 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư. Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

### **3.10 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### 3.11 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 3.12 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Tiền mặt	636.399.971	207.858.842
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.931.921.414	3.674.599.149
- Các khoản tương đương tiền (*)	3.150.390.422	7.617.221.335
	<b>11.718.711.807</b>	<b>11.499.679.326</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng và không quá 1 năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Mã chứng khoán	30/06/2017			01/01/2017		
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>						
- Tổng giá trị cổ phiếu						
+ Công ty CP cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	1.650.000	565.084.075.104	27.527.748.721	1.650.000	434.770.535.927	33.035.936.439
+ Công ty CP Cao su Sao Vàng	-	-	-	194.288	5.109.517.410	1.728.906.210
+ Công ty CP Transimex	2	58.355	-	2	58.355	-
+ Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	5.000	350.000.000	-	5.000	350.000.000	-
+ Công ty CP DAP-Vinachem	4.526.110	46.504.501.221	11.427.148.721	6.702.510	68.866.401.829	20.876.430.229
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và Chuyên gia	1.500.000	30.000.000.000	15.900.000.000	1.500.000	30.000.000.000	9.900.000.000
+ Công ty CP Chứng khoán IB	600.000	4.176.785.795	-	-	-	-
+ Công ty CP GTNFoods	212.000	3.166.584.000	-	-	-	-
+ Công ty CP Lâm Nghiệp Sài Gòn	1.577.024	23.878.272.400	-	-	-	-
+ Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	10.270.000	236.564.315.000	-	-	-	-
<b>Chứng quyền</b>						
+ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (*)	400	20.000.000.000	-	400	20.000.000.000	-
- Tổng giá trị trái phiếu						
+ Trái phiếu Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng (**)	185	185.442.458.333	-	185	185.442.458.333	-
+ Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	-	-	-	1.100	110.001.000.000	66.071.872.878

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc		Giá trị thuần theo phương pháp vốn chủ sở hữu	
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh				
+ Công ty TNHH Hàng Hai Wallem Việt Nam (***)	4.437.000.000	4.284.755.993	28.315.272.400	4.440.870.137
+ Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh bất động sản Hà Nội	4.437.000.000	4.284.755.993	4.437.000.000	4.440.870.137
+ Công ty TNHH Hàng Hai Wallem Việt Nam (***)	1.734.000.000	2.174.052.011	1.734.000.000	2.153.002.717
+ Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh bất động sản Hà Nội	2.703.000.000	2.110.703.982	2.703.000.000	2.287.867.420
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
+ Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn	-	-	23.878.272.400	-
	-	-	23.878.272.400	-

(\*) Chứng quyền do Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành. Mỗi chứng quyền được chuyển đổi thành 50.000 cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(\*\*) Trái phiếu phát hành ngày 29 tháng 6 năm 2016 có kỳ hạn 5 năm với lãi suất 10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định dựa trên lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trung bình của 4 ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở giao dịch 1) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch) tại mỗi ngày xác định lãi suất cộng biên độ 3,5%/năm. Mỗi trái phiếu được đảm bảo bởi 62.500 cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng.

(\*\*\*) Ngày 23 tháng 6 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt kế hoạch thanh lý toàn bộ khoản đầu tư này. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa hoàn thành việc thanh lý khoản đầu tư này.



**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14,290,915,369</b>	<b>6,428,022,519</b>	<b>13,117,769,382</b>	<b>6,928,022,519</b>
- Công ty TNHH MTV-Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	5,016,183,019	5,016,183,019	5,516,183,019	5,516,183,019
- Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Sông Đào	328,000,000	328,000,000	328,000,000	328,000,000
- Công ty TNHH Cảng Hải An	1,706,127,318	-	1,572,110,815	-
- Công ty TNHH Maxpeed Hà Nội	784,909,830	-	1,045,601,850	-
- Chi nhánh Công ty CP Dịch vụ Hàng Hải Hàng không con cá heo	743,771,000	-	662,739,000	-
- Công ty CP Nhựa Miền Trung	22,550,000	-	103,339,167	-
- Phải thu khách hàng khác	5,689,374,202	1,083,839,500	3,889,795,531	1,083,839,500
	<b>14,290,915,369</b>	<b>6,428,022,519</b>	<b>13,117,769,382</b>	<b>6,928,022,519</b>

/// H : 50 //

7. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14,286,203,882</b>	<b>2,655,480,908</b>	<b>19,040,973,534</b>	<b>2,655,480,908</b>
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	5,670,575,213	-	3,769,643,838	-
- Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội phía Nam	1,330,893,473	1,330,893,473	1,330,893,473	1,330,893,473
- Ký cược, ký quỹ	20,000,000	-	137,541,667	-
- Lãi trái phiếu, tiền gửi	52,313,889	-	9,475,083,334	-
- Phải thu khác	7,212,421,307	1,324,587,435	4,327,811,222	1,324,587,435
<b>Dài hạn</b>	<b>10,002,500,000</b>	<b>-</b>	<b>10,002,500,000</b>	<b>-</b>
- Góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	10,000,000,000	-	10,000,000,000	-
- Ký cược, ký quỹ	2,500,000	-	2,500,000	-

(\*) Từ năm 2014, Công ty tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác tàu chở container với 5 đối tác, bao gồm: Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức, Công ty Cổ phần Transimex - Sài Gòn, Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An và Công ty Cổ phần Hàng Hải MACS. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này, các bên cam kết cùng hợp tác tổ chức kinh doanh, cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro, nếu có, từ hoạt động kinh doanh từ tàu chở container nói trên tương ứng với tỷ lệ vốn góp và các quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn tối thiểu của hợp đồng hợp tác kinh doanh là 5 năm và có thể được gia hạn thêm nếu các bên có thỏa thuận bằng văn bản.



7. **PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

Kết quả từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được theo dõi bởi Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An. Phần Công ty được nhận theo Báo cáo kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh đầu tư và khai thác đội tàu container này được lập bởi Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác chi tiết như sau :

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Doanh thu	16.682.048.940	12.572.068.930
Giá vốn	14.181.933.118	10.100.423.087
Doanh thu hoạt động tài chính	27.703.540	-
Chi phí tài chính	181.522.104	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	96.660.123	-
Thu nhập khác	129.786.497	-
Chi phí khác		-
<b>Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ kinh doanh tàu</b>	<b>2.379.423.632</b>	<b>2.471.645.843</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	478.492.257	503.922.476
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp từ kinh doanh tàu</b>	<b>1.900.931.375</b>	<b>1.967.723.367</b>

8. **TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2017	18.395.220.245	86.649.008	18.481.869.253
- Mua trong kỳ		864.466.909	864.466.909
30/06/2017	<u>18.395.220.245</u>	<u>951.115.917</u>	<u>19.346.336.162</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
01/01/2017	13.566.937.795	59.757.336	13.626.695.131
- Khấu hao trong kỳ	411.313.624	5.762.502	417.076.126
- Thanh lý, nhượng bán			-
30/06/2017	<u>13.978.251.419</u>	<u>65.519.838</u>	<u>14.043.771.257</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2017	<u>4.828.282.450</u>	<u>26.891.672</u>	<u>4.855.174.122</u>
30/06/2017	<u>4.416.968.826</u>	<u>885.596.079</u>	<u>5.302.564.905</u>

Tại ngày 30/06/2017: Nguyên giá TSCĐHH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.430.696.491 đồng.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
01/01/2017	746.493.800	746.493.800
- Thanh lý, nhượng bán	(746.493.800)	(746.493.800)
30/06/2017	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2017	-	-
30/06/2017	-	-
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
01/01/2017	746.493.800	746.493.800
30/06/2017	-	-

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	01/01/2017 VND	Tăng trong kỳ VND	30/06/2017 VND
a. Bất động sản đầu tư cho thuê			
Nguyên giá	38.530.325.770	-	38.530.325.770
- Nhà	38.530.325.770		38.530.325.770
Giá trị hao mòn lũy kế	9.661.384.507	774.359.142	10.435.743.649
- Nhà	9.661.384.507	774.359.142	10.435.743.649
Giá trị còn lại	28.868.941.263	(774.359.142)	28.094.582.121
- Nhà	28.868.941.263	(774.359.142)	28.094.582.121

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>10,182,595,497</b>	<b>10,182,595,497</b>	<b>9,522,706,440</b>	<b>9,522,706,440</b>
- Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	988,817,357	988,817,357	988,817,357	988,817,357
- Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	405,150,000	405,150,000	405,150,000	405,150,000
- ISS Machinery Services	451,652,591	451,652,591	436,072,267	436,072,267
- Hãng đăng kiểm Germanischer Lloyd	386,577,094	386,577,094	358,424,760	358,424,760
- Các đối tượng khác	7,950,398,455	7,950,398,455	7,334,242,056	7,334,242,056

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017		Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ		Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ		30/06/2017	
	VND	Số phải nộp trong kỳ VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>	<b>211.928.757</b>	<b>1.220.137.064</b>	<b>1.094.429.587</b>	<b>337.636.234</b>				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	47.758.868	830.680.741	830.680.741	47.758.868				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	202.341.601	93.860.799	108.480.802				
- Thuế thu nhập cá nhân	164.169.889	172.806.098	155.579.423	181.396.564				
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	14.308.624	14.308.624	-				
<b>Phải thu</b>	<b>3.717.519.351</b>	<b>-</b>	<b>1.296.548.624</b>	<b>2.420.970.727</b>				
- Thuế thu nhập cá nhân	574.072.153	-	-	574.072.153				
- Thuế GTGT	3.143.447.198	-	1.296.548.624	1.846.898.574				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-				

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	3.246.029.912	2.662.299.369
- Chi phí cước vận tải biển		1.039.571.623
- Chi phí sửa chữa và bảo hiểm phương tiện	1.389.155.263	524.732.828
- Lãi vay	231.452.055	152.109.589
- Các khoản trích trước khác	1.625.422.594	945.885.329

14. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2,511,805,084</b>	<b>2,410,458,622</b>
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh bất động sản Hà Nội	1,503,000,000	1,503,000,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,008,805,084	907,458,622
<b>Dài hạn</b>	<b>251,702,027</b>	<b>254,680,049</b>
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	251,702,027	254,680,049

**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**  
**15.1 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

	30/06/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>11,604,545,754</b>	<b>11,604,545,754</b>	<b>48,296,102,511</b>	<b>48,519,887,959</b>	<b>11,828,331,202</b>	<b>11,828,331,202</b>
- Vay ký quỹ giao dịch chứng khoán (*)	8,729,545,754	8,729,545,754	47,421,102,511	47,748,787,959	9,057,231,202	9,057,231,202
- Ngân hàng liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Hải Phòng	729,170,000	729,170,000	729,170,000	771,100,000	771,100,000	771,100,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền	145,830,000	145,830,000	145,830,000	-	-	-
- Cá nhân	2,000,000,000	2,000,000,000	-	-	2,000,000,000	2,000,000,000

(\*) Khoản vay được đảm bảo bằng một số chứng khoán do Công ty nắm giữ với giá gốc là 180.537 triệu đồng

**15.2 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Là trái phiếu do Công ty phát hành ngày 23/06/2017, ngày đáo hạn 23/06/2019, lãi suất trái phiếu 10,8%/năm áp dụng cho năm đầu tiên, lãi suất các kỳ tiếp theo được áp dụng bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân thông thường bằng VND, trả sau kỳ hạn 12 tháng (hoặc kỳ hạn tương đương 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng; hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng và kỳ hạn tương đương 12 tháng (“Lãi suất tham chiếu”) công bố tại Sở giao dịch/Chi nhánh của bốn ngân hàng thương mại tại Hà Nội bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở giao dịch 1) và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch) (gọi riêng là “Ngân hàng Thương mại”) và gọi chung là “các Ngân hàng Tham chiếu”) tại mỗi ngày Xác định Lãi suất cộng (+) biên độ 4%/năm.

Trong đó: mệnh giá trái phiếu là 100 tỷ đồng, chi phí phát hành trái phiếu là 360 triệu đồng.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2016</b>	<b>271.109.080.000</b>	<b>28.679.580.000</b>	<b>(1.200.000)</b>	<b>8.712.225.710</b>	<b>132.048.275.861</b>	<b>440.547.961.571</b>
- Phát hành cổ phiếu	13.555.390.000	(65.000.000)	-	-	-	-
- Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(28.466.327.000)	(28.466.327.000)
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	42.687.630.000	-	-	-	(42.687.630.000)	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	59.636.632.107	59.636.632.107
- Tạm trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
<b>31/12/2016</b>	<b>327.352.100.000</b>	<b>28.614.580.000</b>	<b>(1.200.000)</b>	<b>8.712.225.710</b>	<b>120.180.950.968</b>	<b>484.858.656.678</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>327.352.100.000</b>	<b>28.614.580.000</b>	<b>(1.200.000)</b>	<b>8.712.225.710</b>	<b>120.180.950.968</b>	<b>484.858.656.678</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	9.494.179.776	9.494.179.776
- Tạm trích quỹ khen thưởng (*)	-	-	-	-	(2.300.000.000)	(2.300.000.000)
- Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	50.531.028	50.531.028
<b>30/06/2017</b>	<b>327.352.100.000</b>	<b>28.614.580.000</b>	<b>(1.200.000)</b>	<b>8.712.225.710</b>	<b>127.425.661.772</b>	<b>492.103.367.482</b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****16.2 CỔ PHIẾU**

	30/06/2017	01/01/2017
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	32.735.210	32.735.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.735.210	32.735.210
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.735.210	32.735.210
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.735.090	32.735.090
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.735.090	32.735.090
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>41.220.483.526</b>	<b>33.556.613.673</b>
+ Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu bến	17.735.680.527	19.426.713.143
Doanh thu được chia từ hợp đồng hợp tác kinh	16.682.048.940	12.572.068.930
+ doanh	6.802.754.059	1.557.831.600
+ Doanh thu khác	6.802.754.059	1.557.831.600

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
- Giá vốn của dịch vụ vận tải, thuê văn phòng, kho bãi	17.612.665.797	17.921.119.314
- Giá vốn được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	14.181.933.118	10.100.423.087
- Giá vốn dịch vụ khác	5.093.090.256	826.413.604
	<b>36.887.689.171</b>	<b>28.847.956.005</b>

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10,278,580,884	1,129,841,154
- Lãi bán các khoản đầu tư	1,524,862,000	77,844,739,756
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,999,080,000	8,944,689,000
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	27,703,540	-
	<b>13,830,226,424</b>	<b>87,919,269,910</b>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1,093,530,426	656,142,329
- Lỗ do mua bán chứng khoán kinh doanh	1,040,641,776	8,575,666,795
- Hoàn nhập dự phòng	(169,355,300)	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	19,830,693	86,692,416
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	22,778,611	
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	13,362,758,085
- Chi phí tài chính khác	837,711,092	
	<b>2,845,137,298</b>	<b>22,681,259,625</b>



21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
	<b>3,916,681,192</b>	<b>4,207,594,240</b>
- Nhân viên quản lý	2,468,738,986	2,305,793,788
- Khấu hao tài sản cố định	66,886,026	
- Dụng cụ đồ dùng văn phòng	110,510,885	
- Dự phòng	(500,000,000)	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	973,216,425	1,224,567,189
- Chi phí quản lý khác	797,328,870	677,233,263

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.494.179.776	46.477.901.245
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.494.179.776	46.477.901.245
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	32.735.090	27.645.593
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>290</b>	<b>1.681</b>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	6,383,440,895	5,730,794,908
Khấu hao tài sản cố định	1,191,435,268	1,066,405,542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16,792,383,802	11,747,510,816
Chi phí bằng tiền khác	2,255,177,280	4,410,415,892
Giá vốn được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	14,181,933,118	10,100,423,087

24. **NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 như sau:

Bên liên quan Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	Mối quan hệ Công ty liên kết	
	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát</b>		
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	263,666,667	251,466,667
- Thù lao Ban Kiểm soát	65,233,334	
<b>Tiền lương, thưởng</b>		
- Ban Giám đốc	523,744,839	557,400,000
<b><u>Số dư với các bên liên quan</u></b>		
	<b>30/06/2017 VND</b>	<b>01/01/2017 VND</b>
<b>Phải trả khác</b>		
Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	1,503,000,000	1,503,000,000

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc



Lê Thị Lan Hương

Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Công Tuấn



Số: 56 /MHC  
V/v: "Giải trình BCTC Quý II/2017- Hợp nhất"

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2017

**Kính gửi :** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần MHC – Mã giao dịch MHC trên Sở GDCK TP.HCM, xin được giải trình kết quả kinh doanh Quý 2 năm 2017 như sau:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	22.419.066.344 VND
- Lợi nhuận sau thuế quý 2-2017:	3.496.024.539 VND
- Lợi nhuận sau thuế quý 2-2016:	5.951.362.379 VND

Kết quả kinh doanh quý 2/2017 của Công ty lãi giảm so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do: Quý 2/2016 Công ty thu được nhiều khoản lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban KS
- TCKT
- Lưu VT



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Công Tuấn*